

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 6A1 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày tháng, năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ theo hộ khẩu (ấp/khóm, xã/phường)	Ghi chú
1	Ngô Ngọc Ái	x	02/3/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
2	Lý Triệu An		24/06/2015	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
3	Liêu Thị Ngọc Bảo	x	03/09/2015	Kinh	Khu vực Nguyễn Út	
4	Lê Thị Khánh Châu	x	22/10/2015	Kinh	Lê Văn Tư, KH	
5	Lê Nhật Đăng		21/4/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
6	Ngô Thị Ngọc Diễm	x	21/02/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
7	Huỳnh Trọng Dinh		09/10/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
8	Huỳnh Tấn Dư		22/05/2015	Kinh	Nguyễn Út, KH	
9	Lý Huỳnh Đức		30/11/2015	Khmer	Khóm Bưng Tum	
10	Đặng Thị Thùy Dương	x	05/04/2015	Kinh	Khu vực Huỳnh Thu	
11	Trương Thái Duy		31/08/2015	Kinh	Huỳnh Thu, KH	
12	Trần Huỳnh Gia Hân	x	17/05/2015	Kinh	Khu vực Bưng Tum	
13	Trần Quốc Hậu		09/8/2013	Kinh	Huỳnh Thu, KH	
14	Lý Trung Hiếu		31/7/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
15	Huỳnh Phan Quốc Huy		06/3/2015	Kinh	Đai Rụng, VC	
16	Đỗ Đăng Khoa		09/10/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
17	Đặng Thiên Kim	x	10/04/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
18	Lê Thuyên Kim	x	30/07/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
19	Lý Yến Linh	x	14/9/2014	Khmer	Bưng Tum, KH	
20	Võ Minh Nghiêm		22/07/2015	Kinh	Nguyễn Út, KH	
21	Huỳnh Thạch Như Ngọc	x	10/03/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
22	Nguyễn Thu Nguyệt	x	01/05/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
23	Phan Lâm Nguyễn Nhi	x	12/11/2015	Kinh	Huỳnh Thu, KH	
24	Nguyễn Vũ Khải Phong		01/10/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
25	Phùng Lâm Nhã Quyên	x	27/10/2015	Kinh	Khu vực Nguyễn Út	
26	Trần Phạm Ái Thi	x	21/03/2015	Kinh	Khu vực Nguyễn Út	
27	Trần Hồng Bảo Trân	x	25/10/2015	Kinh	Áp Nguyễn Út, KH	
28	Lâm Thị Phương Trang	x	13/12/2015	Kinh	Cảng Buổi, KH	
29	Võ Thành Văn		16/6/2015	Kinh	Thạnh Lợi, Mỹ Xuyên	
30	Nguyễn Chí Viễn		18/08/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
31	Nguyễn Quốc Vinh		28/10/2015	Khmer	Lầm Thiết, Kh	
32	Nguyễn Lê Tường Vy	x	06/12/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
33	Mai Triệu Vỹ		28/11/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
34	Hồng Nguyễn Cẩm Y	x	29/04/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
35	Nguyễn Hải Yến	x	08/4/2015	Kinh	Châu Khánh, KH	
36	Lâm Minh Đăng		23/11/2015	Hoa	Cảng Buổi, KH	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 6A2 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày tháng, năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ theo hộ khẩu (ấp/khóm, xã/phường)	Ghi chú
1	Phan Khả Ái	x	01/01/2015	Kinh	Phạm Kiều, KH	
2	Nguyễn Gia Bảo		12/05/2015	Hoa	Ấp Nguyễn Út, KH	
3	Nguyễn Tấn Đạt		05/4/2015	Kinh	Đại Rụng, VC	
4	Trần Thành Đạt		20/07/2015	Kinh	Khu vực Nguyễn Út, KH	
5	Trương Thuỳ Dương	x	19/12/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
6	Nguyễn Ngọc Duyên	x	07/11/2014	Kinh	Kinh Ven, KH	
7	Lê Khả Hân	x	01/12/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
8	Nguyễn Mai Gia Hùng		19/02/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
9	Lê Văn Kiên		04/12/2015	Kinh	Huỳnh Thu, KH	
10	Lâm Ngọc Kim	x	27/8/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
11	Trần Thị Tường Lam	x	20/02/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
12	Lương Hoàng Lộc		03/12/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
13	Lữ Tuệ Minh	x	30/5/2015	Kinh	Ca Lạc A, VC	
14	Lý Chí Minh		20/03/2015	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
15	Châu Nguyễn Diễm My	x	01/12/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
16	Trần Ngọc Ái My	x	13/9/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
17	Dương Nghĩa		14/03/2015	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
18	Trần Thị Diễm Ngọc	x	03/09/2015	Kinh	Khu vực Bưng Tum	
19	Nguyễn Thị Phương Nguyên	x	19/09/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
20	Võ Duy Nguyễn		10/10/2015	Kinh	Khu vực Bưng Tum	
21	Cao Hoàng Trang Nhã	x	21/10/2015	Khmer	Khóm Bưng Tum	
22	Nguyễn Ngọc Đan Như	x	20/01/2015	Kinh	Đặng Văn Đông, KH	
23	Bùi Minh Nhựt		02/02/2014	Kinh	Khu vực Nguyễn Út	
24	Nguyễn Tấn Phát		17/9/2013	Kinh	Đại Rụng, VC	
25	Trần Vĩnh Phong		01/10/2015	Khmer	Lầm Thiết, Kh	
26	Triệu Thạch Phong		16/09/2015	Khmer	Khu vực Bưng Tum	
27	Lâm Văn Phúc		23/08/2015	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
28	Hà Lê Quang		27/12/2014	Kinh	Trà Niên, KH	
29	Lâm Sạch Ta Ra		18/11/2014	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
30	Thạch Hoài Thành		18/7/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
31	Lê Minh Thoại		03/10/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
32	Lâm Minh Thư	x	31/01/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
33	Võ Ngọc Bảo Trân	x	04/5/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
34	Nguyễn Chương Cao Vân	x	18/01/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
35	Ong Thị Tường Vy	x	26/8/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
36	Trần Ngọc Lan Vy	x	30/04/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 6A3 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày tháng, năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ theo hộ khẩu (ấp/khóm, xã/phường)	Ghi chú
1	Kim Hoàng Anh		02/12/2015	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
2	Phan Tiểu Bảo		23/12/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
3	Trần Gia Bảo		19/7/2015	Kinh	Nguyễn Út, KH	
4	Thạch Nguyễn Văn Chuyển		20/11/2015	Khmer	Cảng Buổi, KH	
5	Thạch Hoàng Dĩ		11/04/2015	Khmer	Khóm Huỳnh Thu	
6	Huỳnh Thế Dinh		18/09/2015	Kinh	Khu vực Nguyễn Út	
7	Phạm Văn Đồng		16/5/2015	Kinh	Cảng Buổi, KH	
8	Đền Thị Ngọc Hân	x	05/12/2015	Khmer	Cảng Buổi, KH	
9	Nguyễn Khả Hân	x	24/06/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
10	Thạch Thái Ngọc Hân	x	06/10/2015	Khmer	Lãm Thiết, Kh	
11	Phạm Trí Hào		21/01/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
12	Nguyễn Quang Huy		13/7/2015	Kinh	Nguyễn Út, KH	
13	Huỳnh Quốc Kiệt		12/08/2014	Kinh	Khu vực Nguyễn Út	
14	Lý Ánh Kiệt		18/3/2015	Khmer	Hòa Khởi, KH	
15	Trần Liêu Thủy Lạc	x	14/03/2015	Khmer	Khu vực Trà Niên	
16	Thái Hoàng Nam		28/4/2015	Kinh	Phạm Kiều, KH	
17	Đặng Thị Mộng Ngân	x	19/3/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
18	Nguyễn Thị Phương Ngân	x	04/8/2014	Kinh	Cảng Buổi, KH	
19	Trần Bảo Nghi	x	05/07/2014	Khmer	Khu vực Trà Niên	
20	Lưu Đoàn Bảo Ngọc	x	20/7/2015	Kinh	Đai Rụng, VC	
21	Nguyễn Lê Gia Phát		16/12/2015	Kinh	Huỳnh Thu, KH	
22	Võ Lập Quốc		20/03/2015	Kinh	Khu vực Bưng Tum	
23	Trần Luật Nhật Quý		10/11/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
24	Trương Thanh Quý		24/11/2015	Kinh	Khu vực Nguyễn Út	
25	Võ Kim Quyên	x	13/07/2015	Kinh	Huỳnh Thu, KH	
26	Thạch Lý Thanh	x	15/01/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
27	Thạch Thị Băng Thanh	x	30/9/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
28	Nguyễn Minh Thành		16/09/2015	Kinh	Nguyễn Út, KH	
29	Nguyễn Ngọc Thảo	x	20/08/2015	Kinh	Nguyễn Út, KH	
30	Tăng Huệ Thư	x	31/01/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
31	Kim Lâm Tỷ		11/3/2015	Khmer	Trà Niên, KH	
32	Đoàn Như Ý	x	31/01/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
33	Phạm Thiên Ý	x	10/10/2014	Kinh	Trà Niên, KH	
34	Son Huỳnh Ý	x	23/11/2015	Khmer	Cảng Buổi, KH	
35	Tăng Như Ý	x	27/4/2015	Hoa	Cảng Buổi, KH	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 6A4 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày tháng, năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ theo hộ khẩu (ấp/khóm, xã/phường)	Ghi chú
1	Trần Gia Bảo		03/9/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
2	Nguyễn Trọng Dinh		26/02/2013	Kinh	Kinh Ven, KH	
3	Lâm Minh Dương		22/06/2015	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
4	Nguyễn Hữu Duy		09/08/2015	Kinh	Khu vực Nguyễn Út	
5	Nguyễn Tường Duy		26/8/2015	Kinh	Phạm Kiều, KH	
6	Hà Gia Hân	x	09/9/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
7	Nguyễn Gia Hân	x	30/10/2015	Kinh	Phạm Kiều, KH	
8	Đỗ Gia Hào		02/3/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
9	Ong Văn Khang		13/01/2013	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
10	Thái Thị Huỳnh Lê	x	25/11/2015	Khmer	Lầm Thiết, Kh	
11	Diệp Thị Đa Lì	x	25/10/2014	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
12	Lê Ánh Linh	x	07/5/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
13	Trịnh Minh Lộc		17/6/2015	Khmer	Soài Côn, VC	
14	Huỳnh Văn Mến		10/07/2015	Kinh	Khu vực Bưng Tum	
15	Thạch Thị Diễm My	x	06/01/2015	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	
16	Sơn Thị Huỳnh Ngân	x	12/04/2015	Khmer	Khóm Bưng Tum	
17	Lương Thị Phương Nghi	x	28/2/2014	Kinh	Kinh Ven, KH	
18	Tạ Hồng Ngọc	x	03/9/2015	Hoa	Kinh Ven, KH	
19	Thạch Thị Ánh Như	x	14/5/2015	Khmer	Trà Niên, KH	
20	Hồng Kim Phụng	x	10/11/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
21	Hồng Ngọc Phụng	x	10/11/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
22	Cao Thị Rai Sa	x	02/3/2015	Khmer	Lầm Thiết, Kh	
23	Nguyễn Chiến Thắng		16/6/2015	Kinh	Phạm Kiều, KH	
24	Thạch Hoàng Thanh		11/11/2015	Khmer	Khu vực Trà Niên	
25	Lý Nguyễn Hạo Thiên		05/12/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
26	Trần Hoàng Thịnh		07/12/2014	Kinh	Soài Côn, VC	
27	Trần Thị Anh Thư	x	21/9/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
28	Sơn Hoàng Trai		29/12/2014	Khmer	Khu vực Trà Niên	
29	Trương Minh Triển		09/01/2015	Kinh	Phạm Kiều, KH	
30	Nguyễn Quốc Vinh		08/10/2015	Kinh	Cảng Buổi, KH	
31	Huỳnh Châu Nhật Vy	x	30/3/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
32	Nguyễn Lý Tường Vy	x	05/01/2015	Kinh	Khu vực 3, VC	
33	Nguyễn Ngọc Như Ý	x	25/4/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
34	Lâm Ngọc Kim Yến	x	12/04/2015	Kinh	Huỳnh Thu, KH	
35	Nguyễn Ngọc Bảo Yến	x	04/06/2015	Kinh	Huỳnh Thu, KH	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 6A5 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày tháng, năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ theo hộ khẩu (ấp/khóm, xã/phường)	Ghi chú
1	Nguyễn Thùy Tuyết An	x	21/5/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
2	Thạch Thị Phương Anh	x	16/4/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
3	Tăng Lý Buối		21/12/2015	Hoa	Cảng Buối, KH	
4	Thạch Hoàng Đại		02/7/2015	Khmer	Trà Niên, KH	
5	Cao Hoàng Duy		22/7/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
6	Nguyễn Hoàng Khánh Duyên	x	06/01/2015	Khmer	Trà Niên, KH	
7	Lý Phúc Gia		21/4/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
8	Lâm Thị Ngọc Hân	x	22/12/2015	Khmer	Nguyễn Út, KH	
9	Tăng Gia Hân	x	14/8/2015	Hoa	Cảng Buối, KH	
10	Tăng Tiến Hoài		15/11/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
11	Thạch Gia Huy		13/02/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
12	Nguyễn Duy Khang		17/02/2014	Kinh	Kinh Ven, KH	
13	Phan Anh Khoa		06/01/2014	Kinh	Trà Niên, KH	
14	Lai Minh Khôi		11/02/2015	Hoa	Trà Niên, KH	
15	Lâm Gia Kiên		09/02/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
16	Trần Thị Như Kiều	x	02/12/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
17	Võ Minh Linh		30/08/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
18	Vũ Tuấn Long		01/12/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
19	Trần Thị Luyến	x	18/06/2015	Kinh	Khóm Huỳnh Thu	
20	Nguyễn Hoàng Nam		19/4/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
21	Nguyễn Trọng Nghĩa		26/11/2015	Kinh	Bưng Tum, KH	
22	Hồ Thị Cẩm Như	x	28/10/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
23	Lý Thị Quỳnh Như	x	19/12/2012	Khmer	Đại Rụng, VC	
24	Nguyễn Phú Quý		26/8/2015	Kinh	Kinh Ven, KH	
25	Sơn Đức Thủ		21/02/2015	Khmer	Trà Niên, KH	
26	Sơn Thị Thanh Thúy	x	11/10/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
27	Kim Thị Tuyết Trâm	x	09/08/2015	Khmer	Áp Cảng Buối	
28	Nguyễn Thị Bích Trâm	x	03/11/2015	Kinh	Huỳnh Thu, KH	
29	Lý Thị Bảo Trân	x	29/9/2015	Khmer	Bưng Tum, KH	
30	Ong Minh Trọng		24/02/2015	Kinh	Khu vực Nguyễn Út	
31	Trương Thị Ngọc Vân	x	06/12/2014	Khmer	Trà Niên, KH	
32	Huỳnh Thúy Vy	x	27/2/2015	Kinh	Phước Thắng, Định Thành, CM	
33	Lâm Thị Như Ý	x	17/05/2015	Kinh	Huỳnh Thu, KH	
34	nguyễn Ngọc Như Ý	x	25/4/2015	Kinh	Trà Niên, KH	
35	Kim Thị Hải Yến	x	04/02/2014	Khmer	Khu vực Nguyễn Út	